

Số: 34/2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1616/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam (sau đây viết tắt là SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11).

2. Đối tượng áp dụng:

Các bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị và tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chuẩn bị và tổ chức SEA Games 31, ASEAN Para Games 11 theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1616/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11 (sau đây gọi là Quyết định số 1616/QĐ-TTg).

Điều 3. Nội dung chi, mức chi

1. Chi công tác chuẩn bị: Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong

phạm vi dự toán được phê duyệt; đối với các nội dung chi cần phải đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Nội dung chi bao gồm:

a) Chi thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động tuyên truyền, quảng bá khác theo Đề án tổng thể chuẩn bị và tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11;

b) Thuê cáp quang truyền hình, nối mạng và cước đường truyền dữ liệu của Ban Tổ chức;

c) Thuê phương tiện vận tải; mua sắm hoặc thuê trang thiết bị, địa điểm phục vụ tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11;

d) Chi làm huy chương, kỷ niệm chương, linh vật, giấy chứng nhận, cờ, băng đĩa quốc ca và các vật phẩm khác phục vụ SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11;

đ) Chi in vé, giấy mời, phù hiệu, làm thẻ cho các đối tượng tham dự và phục vụ SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11;

e) Chi các hoạt động văn hóa nghệ thuật chào mừng và phục vụ đại biểu tham dự SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11;

g) Chi chuẩn bị cho lễ khai mạc, bế mạc, bao gồm: đạo diễn, dàn dựng, kịch bản, ca múa nhạc, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

h) Chi trang phục, đồng phục: Trưởng Ban Tổ chức quyết định đối tượng cần trang bị, kiểu mẫu trang phục, đồng phục phù hợp với từng đối tượng và số lượng cần mua.

2. Chi tiền ăn, ở của các đoàn thể thao các nước tham dự, bao gồm cả đoàn thể thao Việt Nam trong thời gian tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11: Mức chi 1.880.000 đồng/người/ngày (tương đương mức chi 80 USD/người/ngày theo thông lệ quốc tế).

3. Chi tiền làm nhiệm vụ

a) Đối tượng và mức chi tiền làm nhiệm vụ:

Số TT	Đối tượng	Mức chi (đồng/người/ngày)
I	Làm nhiệm vụ môn bóng đá	
1	Trưởng ban, Phó trưởng Ban Tổ chức môn bóng đá	700.000
2	Thành viên Ban Tổ chức môn bóng đá	500.000
3	Trọng tài quốc tế (tương đương 300 USD)	7.050.000
4	Quan chức kỹ thuật, ban kỷ luật, khiếu nại, giám sát, điều phối viên quốc tế (tương đương 200 USD)	4.700.000
II	Làm nhiệm vụ các môn thể thao khác	
1	Trưởng ban, Phó trưởng Ban Tổ chức môn thể thao	400.000

2	Thành viên Ban Tổ chức môn thể thao	300.000
3	Tổng trọng tài, Trưởng Ban giám sát	900.000
4	Trọng tài (bao gồm chuyên môn và điện tử)	600.000
5	Quan chức kỹ thuật, giám sát, trọng tài quốc tế là người nước ngoài (tương đương 100 USD)	2.350.000
III	Làm nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, phục vụ	
1	Thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia, Ban Tổ chức	500.000
2	Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Điều hành; Trưởng Tiểu ban, Phó trưởng Tiểu ban; thành viên Trung tâm Điều hành, Tiểu ban	300.000
3	Nhân viên phục vụ; y tế; cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự	200.000
4	Tình nguyện viên	150.000
5	Đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp chữ:	
	a) Người tập:	
	- Tập luyện	55.000
	- Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	75.000
	- Chính thức	120.000
	b) Giáo viên quản lý, hướng dẫn	110.000

b) Danh sách đối tượng được hưởng mức chi tiền làm nhiệm vụ quy định tại điểm a Khoản này theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

c) Nguyên tắc chi tiền làm nhiệm vụ:

- Số ngày làm nhiệm vụ, thi đấu, trận đấu thực tế do Trưởng Ban Tổ chức Đại hội quyết định nhưng tối đa không vượt quá thời gian tổ chức SEA Games 31 và ASEAN Para Games 11 hoặc thời gian tổ chức thi đấu của môn thể thao;

- Số ngày làm việc của trọng tài, giám sát, quan chức kỹ thuật; thành viên của ban kỷ luật, khiếu nại, điều phối viên quốc tế là người nước ngoài tham gia điều hành giải được tính theo quy định của tổ chức thể thao quốc tế;

- Đối với các đối tượng làm nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, phục vụ (thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia, Ban Tổ chức; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm Điều hành; Trưởng Tiểu ban, Phó trưởng Tiểu ban; thành viên Trung tâm Điều hành, Tiểu ban; nhân viên phục vụ; y tế; cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự; tình nguyện viên): Số ngày được hưởng tiền làm nhiệm vụ là số ngày chính thức diễn ra Đại hội; trường hợp công việc phải triển khai sớm hoặc kết thúc muộn hơn so với số ngày Đại hội chính thức, thì được thanh toán theo số ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt của